

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 352/2024/DS-ST

Ngày: 24 – 10 – 2024

“V/v tranh chấp giao dịch hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Trường

2. Bà Lưu Xông Pha

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 575/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp giao dịch hội”, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Dương Nhất Đ, sinh năm: 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K.D, xã K.B.T.B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Bà Hứa Hồng T, sinh năm: 1968 (có mặt).

Ông Huỳnh Tấn S, sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp S.L A, xã K.B.T.B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2024, nguyên đơn anh Dương Nhất Đ trình bày: Bà Hứa Hồng T và ông Huỳnh Tấn S làm chủ hội, có mở nhiều dây hội cho các hội viên tham gia chơi hội nhằm để góp vốn làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, trong đó, anh tham gia 02 chung hội của 02 dây hội mở cùng ngày 09/8/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000đ, mỗi tháng khai một kỳ, gồm 36 chung. Dây 1, anh đóng được 33 kỳ hội sống thì bỏ thăm trúng hội, số tiền hốt hội được 167.500.000đ nhưng bà T và ông S không chung hội cho anh. Dây 2, anh đóng hội sống đến mãn thì bỏ thăm trúng hội, số tiền hốt hội được 172.500.000đ nhưng bà T và ông S không chung hội cho anh. Ngày 19/8/2023, ông S và bà T có chuyển trả được

50.000.000đ. Ngày 15/4/2021 âm lịch, anh tham gia 01 chung hội do bà T và ông S làm chủ, loại hội 5.000.000đ, gồm 35 chung, mỗi tháng khai một kỳ, anh đóng hội sống đến mãn thì bỏ thăm trúng hội, số tiền hốt hội được 167.500.000đ nhưng bà T và ông S không chung hội cho anh.

Từ nội dung trên, anh yêu cầu bà Hứa Hồng T và ông Huỳnh Tấn S phải có nghĩa vụ trả cho anh tổng số tiền hội còn lại là 437.400.000đ.

* Trong biên bản hòa giải và biên bản hòa giải thành ngày 10/7/2024, bị đơn là bà Hứa Hồng T và ông Huỳnh Tấn S trình bày: Ông, bà thừa nhận anh Dương Nhất Đ có tham gia 03 chung hội trong 03 dây hội do vợ, chồng ông, bà mở vào ngày 09/8/2020 âm lịch và ngày 15/4/2021 âm lịch đúng như anh Đ trình bày. Hiện đến thời điểm này ông, bà thống nhất còn nợ anh Đ tổng số tiền hội theo hốt hội là 437.400.000đ và đồng ý thanh toán số tiền trên. Thời gian và phương thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xem xét quyết định trong giai đoạn thi hành án.

Ngày 15/7/2024, bà Hứa Hồng T và ông Huỳnh Tấn S có đơn yêu cầu thay đổi ý kiến trong biên bản hòa giải thành ngày 10/7/2024, với các lý do: Thừa nhận số tiền nợ hội 437.400.000đ nhưng không đồng ý thanh toán, vì chưa gom đủ tiền của các hội viên khác; trước đây, anh Đ tham gia đến 07 chung hội, bà cũng đã thanh toán xong cho anh Đ 04 chung, còn lại 03 chung, bà hứa khi nào gom được tiền hội viên sẽ trả đủ; ông, bà là chủ hội, chỉ thực hiện việc gom hội của các hội viên và hưởng hoa hồng, thời gian dịch bệnh Covid 19 nhiều hội viên bỏ đi nơi khác làm ăn, không đóng hội cho ông, bà nên ông, bà phải cầm cố hết tài sản để trảm hội, hiện không còn khả năng trả, khi nào các hội viên về đóng đủ tiền hội cho ông, bà thì ông, bà sẽ trả tiền hội cho anh Đ; anh Đ bỏ tiền ra đóng hội sống chỉ có 238.000.000đ nhưng nay yêu cầu ông, bà trả 437.400.000đ là vượt quá khả năng của ông, bà, nếu ông, bà gom đủ số tiền của các hội viên khác cũng sẽ trả lại cho anh Đ.

Tại phiên tòa, ông S và bà T thống nhất số tiền nợ hội của anh Đ là 437.400.000đ nhưng ông, bà cho rằng không có khả năng thanh toán, khi nào gom được tiền của hội viên khác thì ông, bà sẽ trả cho anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc các bên tranh chấp là giao dịch hội nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là giao dịch hội. Căn cứ vào 02 bản hợp đồng hội mở cùng ngày 09/8/2020 âm lịch và bản hợp đồng hội mở ngày 15/4/2021 âm lịch cũng như giấy tính toán chốt nợ tiền hốt hội của bà Hứa Hồng T với anh Dương Nhất Đ và sự thừa nhận của ông S và bà T tại phiên tòa, có cơ sở xác định anh Dương Nhất Đ có tham gia giao dịch hội trong 02 dây hội mở cùng ngày 09/8/2020 âm lịch và ngày 15/4/2021

âm lịch do bà Hứa Hồng T và ông Huỳnh Tấn S làm chủ hội và hiện ông S và bà T còn nợ anh Đ tổng số tiền 437.400.000đ chưa thanh toán nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng là phù hợp. Việc ông S và bà T cho rằng ông, bà làm chủ hội, chỉ hưởng hoa hồng nên có trách nhiệm gom hội của các hội viên khác để giao cho hội viên bỏ thăm trúng chứ không có nghĩa vụ thanh toán hội cho các hội viên trúng là không phù hợp, bởi lẽ, ông, bà là người khởi xướng, kêu gọi hội viên tham gia chơi hội khi mở các dây hội đồng thời hưởng tiền thù lao của các hội viên hốt hội nên ông, bà phải có trách nhiệm gom hội và giao hội. Việc các hội viên hốt hội mà không đóng hội chết cho ông, bà thì ông, bà có quyền khởi kiện đối với hội viên này để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của họ.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Giao dịch hội do bà Hứa Hồng T và ông Huỳnh Tấn S đứng ra làm chủ nên bà T và ông S phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của mình. Do đó, buộc bà T và ông S phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh Đ tổng số tiền hội 437.400.000đ là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho anh Đ nên buộc bà T và ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Đ được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên anh Đ không phải chịu án phí, anh Đ đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại.

[5] Ông S và bà T cho rằng không có khả năng thanh toán nợ cho anh Đ một lần mà phải trả từ từ. Xét thấy, thời gian và phương thức thanh toán nợ sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xem xét quyết định trong giai đoạn thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- ***Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự;***
- ***Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;***
- ***Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường;***
- ***Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.***

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Dương Nhất Đ – buộc bà Hứa Hồng T và ông Huỳnh Tấn S phải có nghĩa vụ trả cho anh Đ tổng số tiền hội là 437.400.000đ (bốn trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Hứa Hồng T phải chịu 10.748.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh Dương Nhất Đ không phải chịu án phí, ngày 20 tháng 6 năm 2024, anh Đ đã nộp tạm ứng án phí 10.748.000đ theo biên lai số: 5188 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh Dương Nhất Đ, bà Hứa Hồng T và ông Huỳnh Tấn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải